Chi tiết mã HS 1302.19.40

Mã HS	1302.19.40
Mô tả hàng hóa	Nhựa và các chiết xuất từ thực vật; chất pectic, muối của axit pectinic và muối của axit pectic; thạch rau câu (agar-agar) và các chất nhầy và các chất làm đặc, làm dày khác, đã hoặc chưa cải biến, thu được từ các sản phẩm thực vật / - Nhựa và các chất chiết xuất từ thực vật: / - - Loại khác: / - - - Nhựa và các chiết xuất thực vật từ hoa cúc hoặc rễ cây có chứa rotenone
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 14:38:54
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/13021940/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K1805
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N1805
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q1805
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E1810
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1783
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1783
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1783
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1783
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1783
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1783
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E1813
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F1813
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G1813
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H1813

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I1813
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J1813
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E1815
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F1815
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G1815
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H1815
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I1815
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J1815
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F1817
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1785
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1785
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1785
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1785
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1785
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1785
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1785
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1783
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1783
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1783
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1783
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1783
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1783
VCFTA	2022	2022	0	VC!D1824
VCFTA	2023	2023	0	VC!E1824
VCFTA	2024	2024	0	VC!F1824
VCFTA	2025	2025	0	VC!G1824

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H1824
VCFTA	2027	2027	0	VC!I1824
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D1823
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E1823
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F1823
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G1823
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H1823
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I1823
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D1829
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E1829
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F1829
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G1829
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H1829
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I1829
EVFTA	2022	2022	1,2	EV-NK!D1786
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E1786
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F1786
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G1786
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H1786
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I1786
UKVFTA	2022	2022	1,2	UKV!D1788
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E1788
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F1788
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G1788
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H1788
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I1788

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D1786
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E1786
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F1786
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G1786
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H1786
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I1786
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J1786
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D1815
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E1815
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F1815
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G1815
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H1815
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I1815
RCEP B	2022	2022	0	B!D1815
RCEP B	2023	2023	0	B!E1815
RCEP B	2024	2024	0	B!F1815
RCEP B	2025	2025	0	B!G1815
RCEP B	2026	2026	0	B!H1815
RCEP B	2027	2027	0	B!I1815
RCEP C	2022	2022	0	C!D1815
RCEP C	2023	2023	0	C!E1815
RCEP C	2024	2024	0	C!F1815
RCEP C	2025	2025	0	C!G1815
RCEP C	2026	2026	0	C!H1815
RCEP C	2027	2027	0	C!I1815
RCEP D	2022	2022	0	D!D1815

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E1815
RCEP D	2024	2024	0	D!F1815
RCEP D	2025	2025	0	D!G1815
RCEP D	2026	2026	0	D!H1815
RCEP D	2027	2027	0	D!I1815
RCEP E	2022	2022	0	E!D1817
RCEP E	2023	2023	0	E!E1817
RCEP E	2024	2024	0	E!F1817
RCEP E	2025	2025	0	E!G1817
RCEP E	2026	2026	0	E!H1817
RCEP E	2027	2027	0	E!I1817
RCEP F	2022	2022	0	F!D1815
RCEP F	2023	2023	0	F!E1815
RCEP F	2024	2024	0	F!F1815
RCEP F	2025	2025	0	F!G1815
RCEP F	2026	2026	0	F!H1815
RCEP F	2027	2027	0	F!I1815
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F1687
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G1687
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H1687
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I1687

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 1302.19 có 4 dòng thuế; dòng 1302.19.40 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Nhựa và các chiết xuất thực vật từ hoa cúc hoặc rễ cây có chứa rotenone.	1302.19.20 Chiết xuất và cồn thuốc của cây gai dầu; 1302.19.50 Sơn mài (sơn mài tự nhiên); 1302.19.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1302.19.40. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 1302.19.40 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N1805), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.